CHƯƠNG 3
KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

GV: THS. DƯƠNG NGUYỄN THANH TÂM

Nội dung chính:

1. KHÁI NIỆM CHI PHÍ SX, GIÁ THÀNH SP
2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ SX, GIÁ THÀNH SP
3. TỔ CHỨC KT CHI PHÍ SX, TÍNH GIÁ THÀNH SP
4. KT CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO PHƯƠNG PHÁP KKTX
5. ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ
6. TÍNH GIÁ THÀNH SP

4. KT CPSX THEO PHƯƠNG PHÁP KKTX

- **NGUYÊN TẮC KT CHI PHÍ NVL TRỰC TIẾP (TK 621):**
  - **Ghi theo giá thực tế (Xem lại cách tính giá NVL xuất kho)**
  - **Tập hợp theo từng đối tượng KT CPSX riêng biệt – TK 621 được mở chi tiết theo từng SP.**
  - **NVL sử dụng cho nhiều SP ➔ PB gián tiếp.**
  - **NVL đã xuất kho chưa sử dụng ➔ cuối kỳ ghi giảm TK 621**
  - **CK kế toán tổng hợp toàn bộ CP NVL trực tiếp (số PS bên Nợ của TK 621) ➔ kết chuyển sang TK 154.**

4. KT CPSX THEO PHƯƠNG PHÁP KKTX

- **KT CHI PHÍ NVL TRỰC TIẾP (TK 621):**

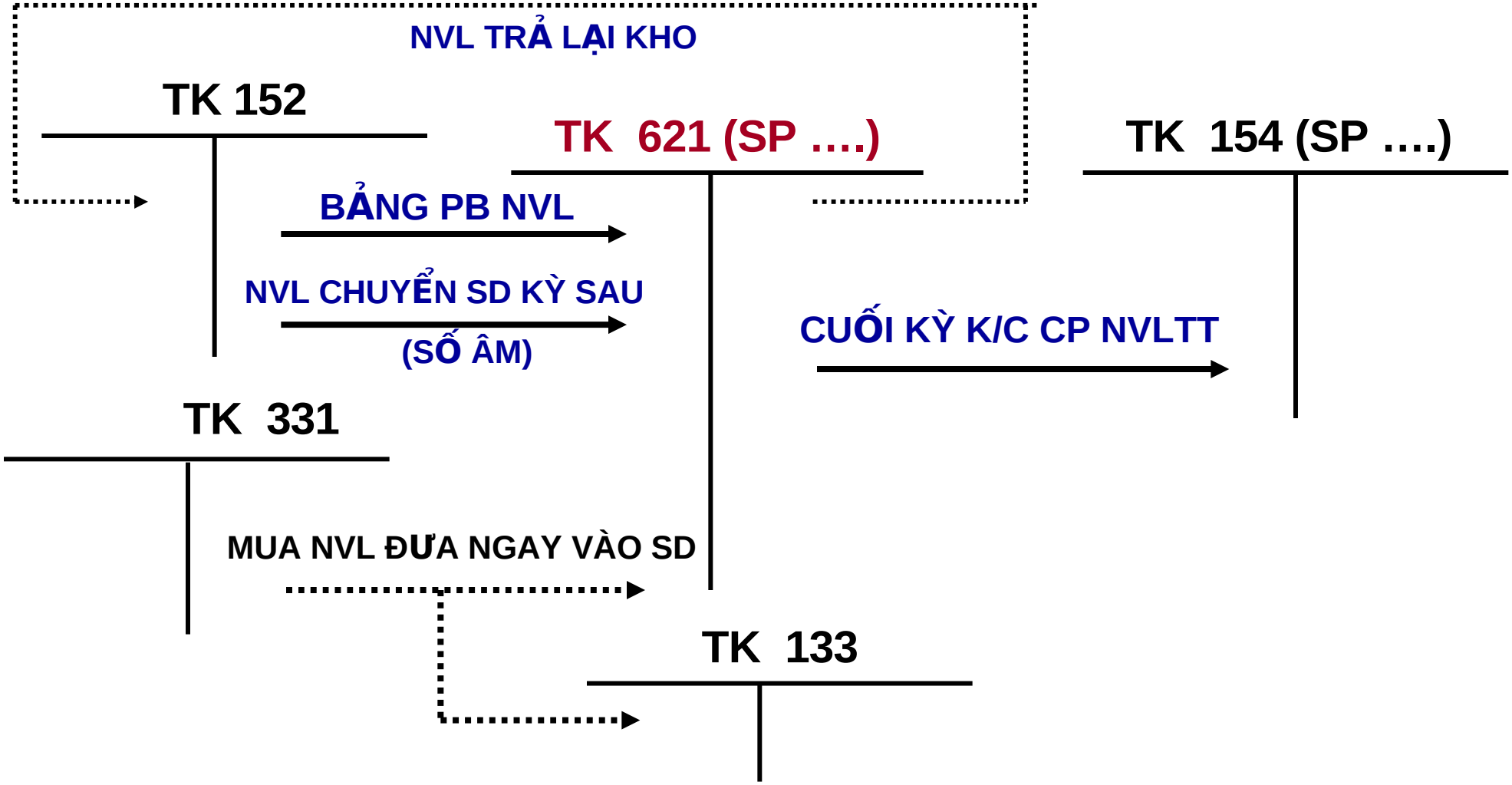

VÍ DỤ (VAT khấu trừ, PP KKTX)

1. Mua VLP đưa ngay vào SX sản phẩm A. Tiền hàng 150, VAT 15, thanh toán ngay bằng TM

2a. Xuất kho VLC đưa vào SX SP-A 1300

2b. Cuối tháng xác định giá trị VLC chưa sử dụng để chế biến SP-A 120. Số VLC chưa sử dụng được chuyển sang tháng sau

VÍ DỤ

- **TỔNG GIÁ TRỊ VLC XUẤT KHO DÙNG ĐỂ SX SP-A VÀ SP-B LÀ 2.280.000**
- **SỐ LƯỢNG SX**

  - SP-A: 5000

  - SP-B : 2500
- **ĐỊNH MỨC HAO PHÍ VLC: SP-A 300/SP; SP-B 360/SP**
- **VLC PB CHO TỪNG LOẠI SP THEO ĐỊNH MỨC TIÊU HAO VLC → Định khoản**

4. KT CPSX THEO PHƯƠNG PHÁP KKTX

NGUYÊN TẮC KT CP NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP (TK 622)

- **Tập hợp theo từng đối tượng KT CPSX riêng biệt - TK 622 phải được mở chi tiết theo từng đối tượng**
- **Chi phí nhân công trực tiếp sử dụng cho nhiều SP ➔ phân bổ cho từng loại sp**
- **Cuối kỳ kế toán phải tổng hợp toàn bộ Chi phí nhân công trực tiếp (số phát sinh bên Nợ của TK 622) và kết chuyển sang TK 154.**

4. KT CPSX THEO PHƯƠNG PHÁP KKTX

- **KT CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP (TK 622):**

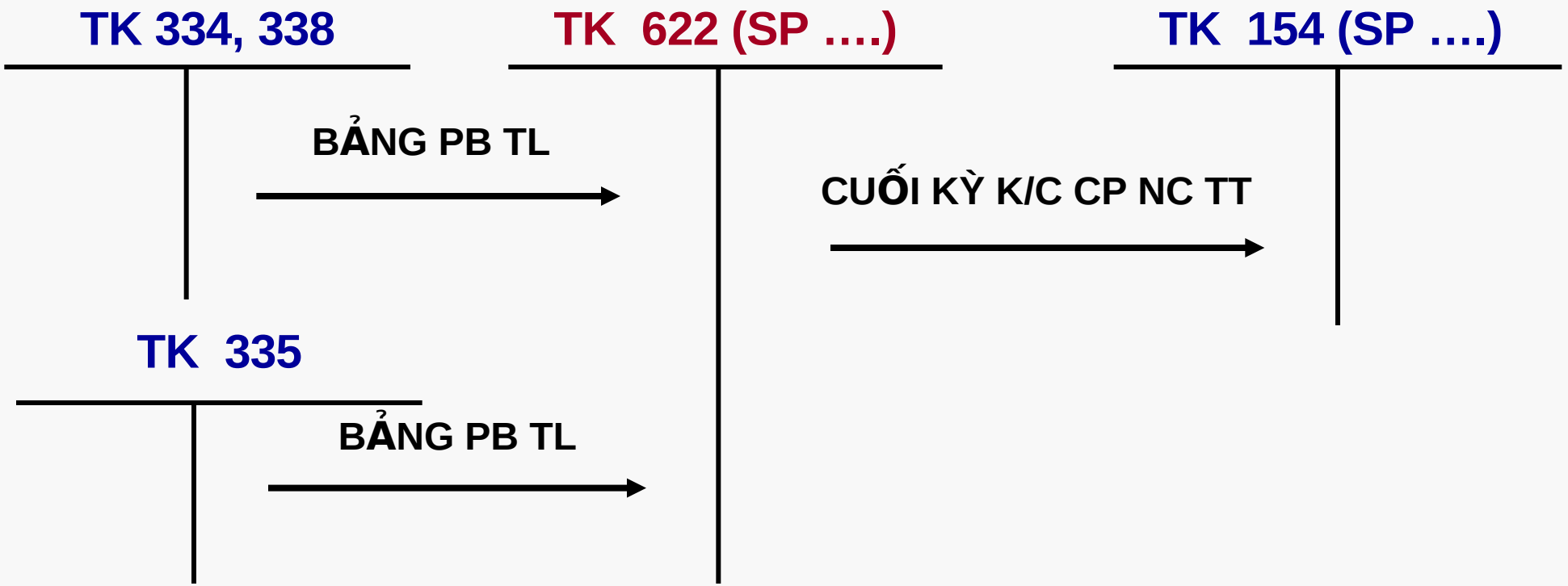

4. KT CPSX THEO PHƯƠNG PHÁP KKTX

NGUYÊN TẮC KT CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG (TK 627):

- **Tập hợp theo từng PX, bộ phận SX, ghi vào TK 627 (PX-1; PX-2…)**
- **CP SX chung được theo dõi theo từng khoản mục CP (627.1; 627.2; 627.3...) ➔ phục vụ cho PT chi phí**
- **CP SX chung được PB cho các loại SP do chính PX chế tạo.**
- **Cuối kỳ kế toán phải tổng hợp toàn bộ CPSX chung (số PS bên Nợ của TK 627) để PB cho các loại SP**

4. KT CPSX THEO PHƯƠNG PHÁP KKTX

- **Công thức PB chi phí sản xuất chung:**

$$\text{CP SX chung PB cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng CP SX chung}}{\text{Tổng tiêu thức PB của các đối tượng}} \times \text{Tiêu thức PB của từng đối tượng}$$

- **TIÊU THỨC PHÂN BỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG**

  - **Theo tiền lương chính của CNSX trực tiếp**
  - **Theo giờ máy hoạt động**

4. KT CPSX THEO PHƯƠNG PHÁP KKTX

- **KT CHI PHÍ SX CHUNG (TK 627):**

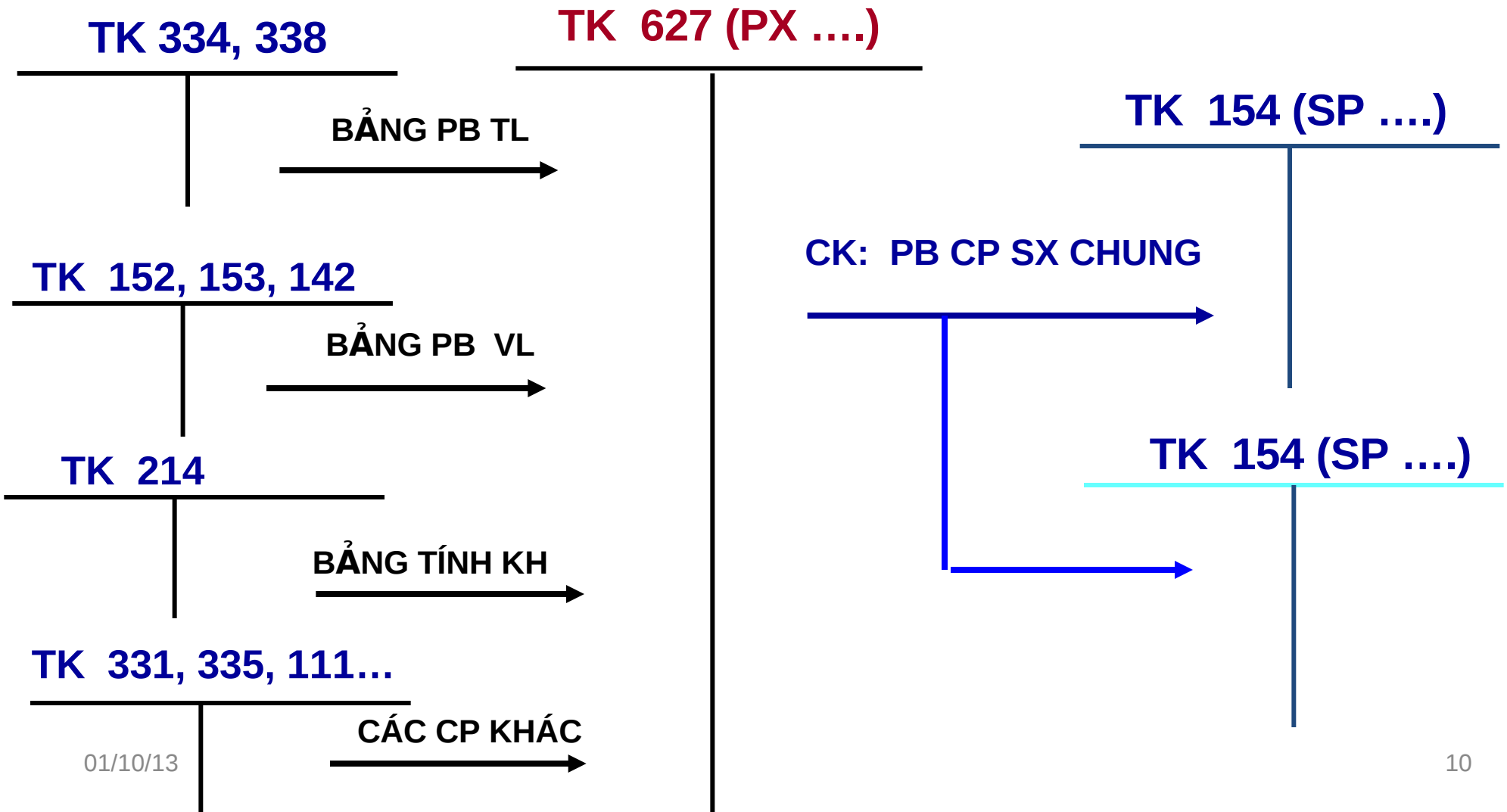

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT

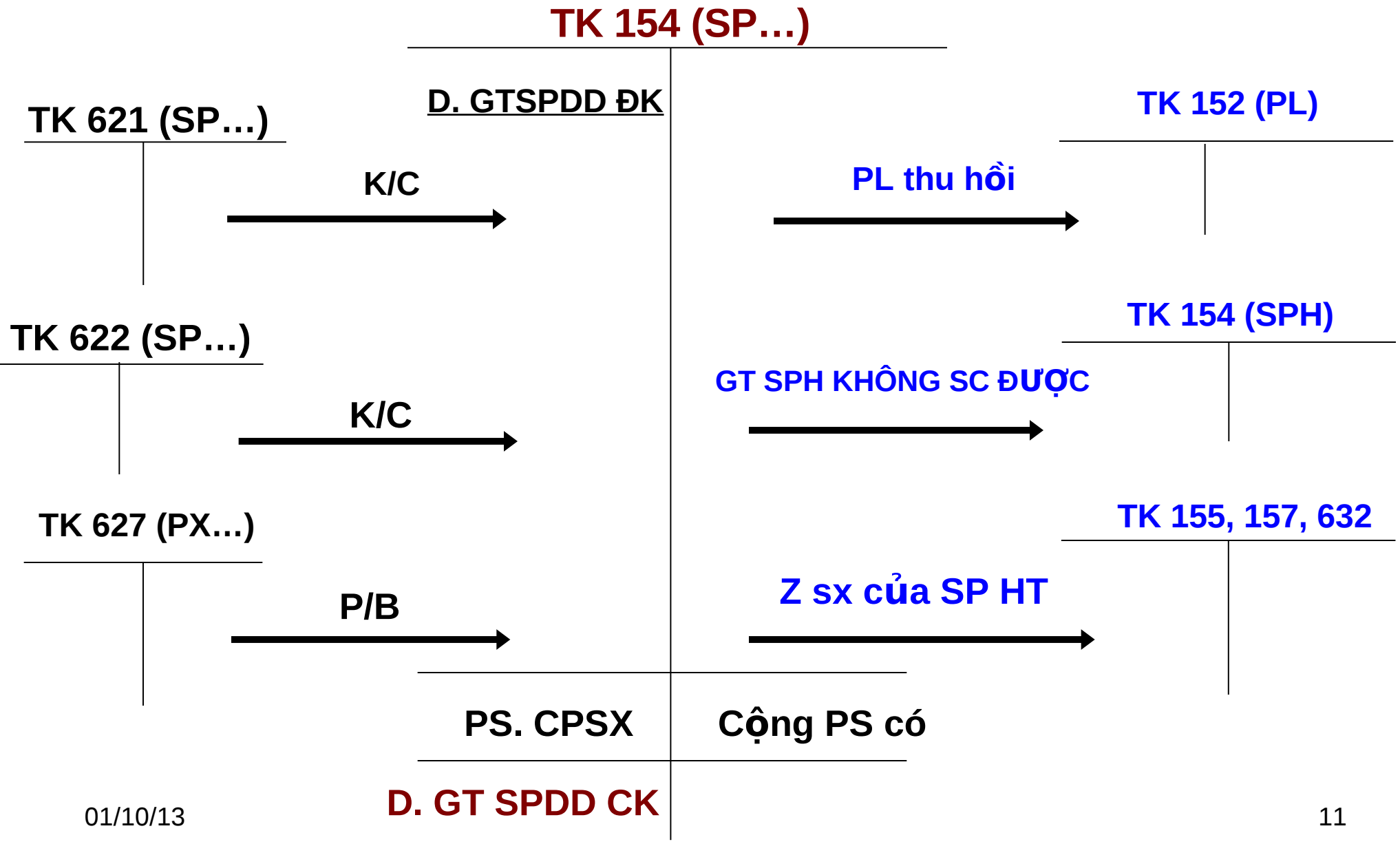

- **THIỆT HẠI VỀ NGỪNG SẢN XUẤT:**
  - **Ngừng SX có KH: Sử dụng TK 335**
  - **Ngừng sản xuất ngoài kế hoạch: Sử dụng TK 154 để theo dõi**

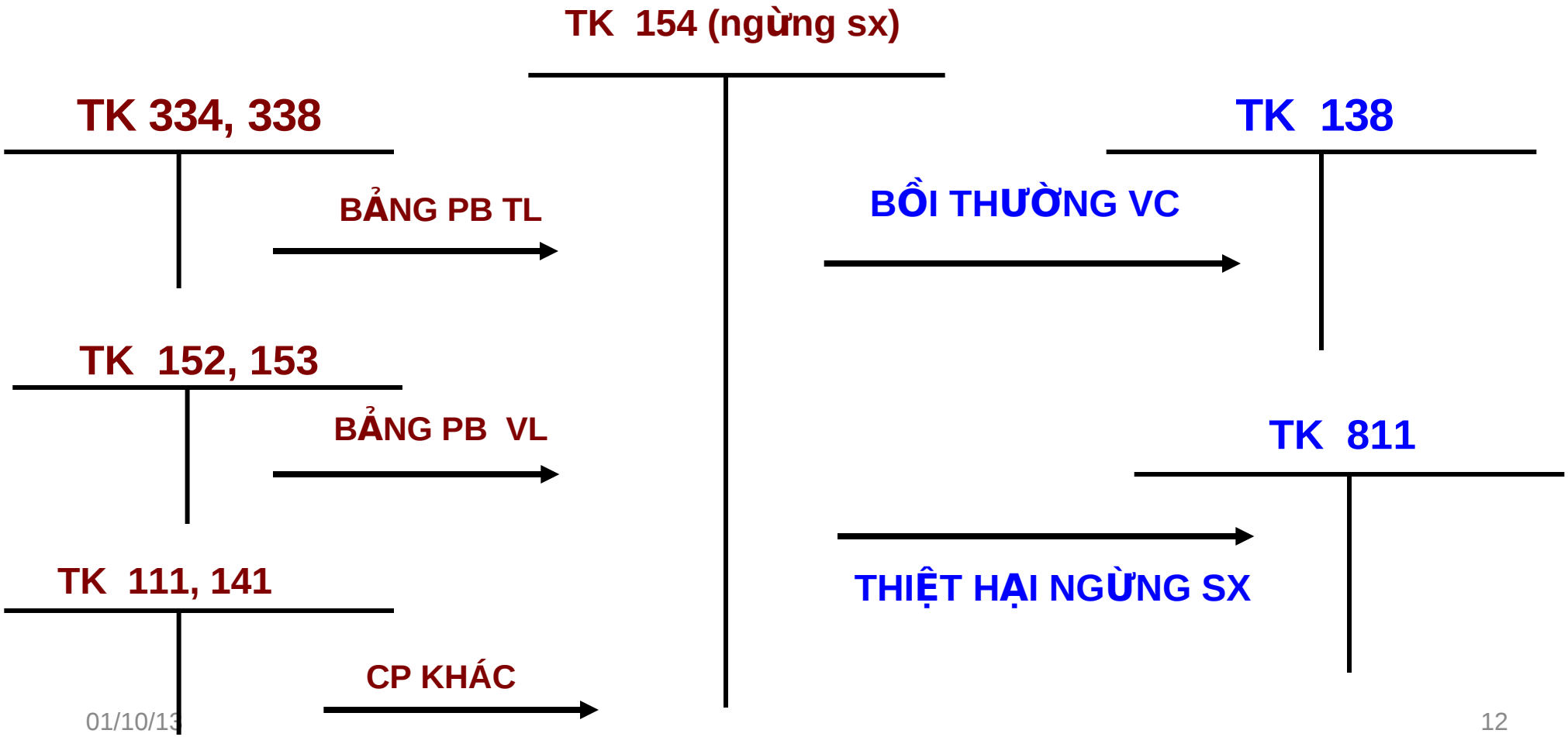

- **THIỆT HẠI VỀ SẢN PHẨM HỎNG:**

- SP HỎNG TRONG ĐỊNH MỨC: Các khoản CP hạch toán như chính phẩm.

- SP HỎNG NGOÀI ĐỊNH MỨC:

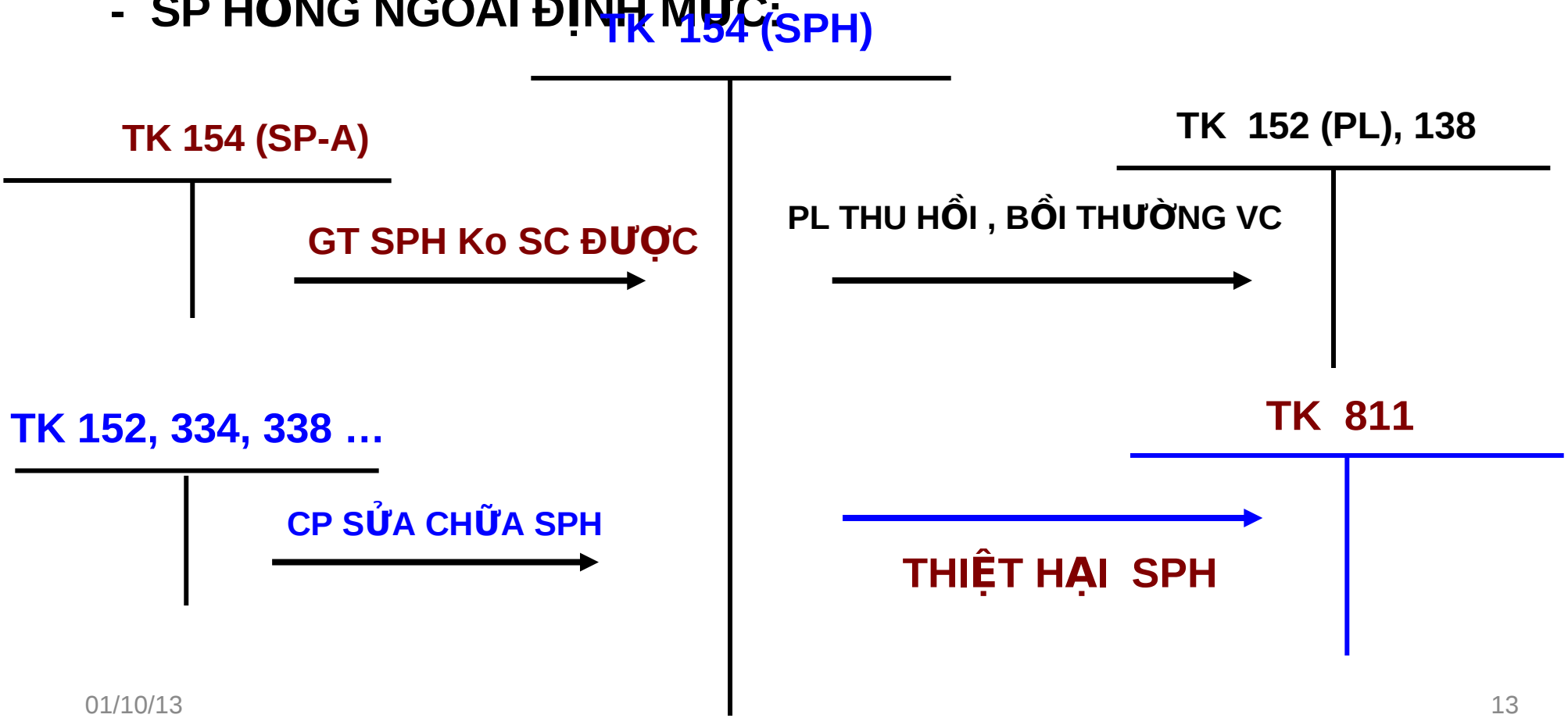

5. ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ

BƯỚC 1: KIỂM KÊ SPDD

- **XĐ ĐƯỢC SỐ LƯỢNG SPDD.**
- **Ở GIAI ĐOẠN CHẾ BIẾN NÀO (MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH)**

BƯỚC 2: ĐÁNH GIÁ SPDD - QUY ĐỔI SL SPDD THÀNH GIÁ TRỊ

1. **ĐÁNH GIÁ SPDD THEO CP NVL CHÍNH**
2. **ĐÁNH GIÁ SPDD THEO CP NVL TRỰC TIẾP .**
3. **ĐÁNH GIÁ SPDD THEO SẢN LƯỢNG ƯỚC TÍNH TƯƠNG ĐƯƠNG .**
4. **ĐÁNH GIÁ SPDD THEO 50% CHI PHÍ CHẾ BIẾN**
5. **ĐÁNH GIÁ SPDD THEO GIÁ THÀNH ĐỊNH MỨC.**

5 ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ

A. ĐG SPDD THEO CP NVL CHÍNH

$$\text{GT SPDD CK} = \frac{\text{CPSX DD Đầu Kỳ} + \text{CP NVL chính P/S trong kỳ} - \text{PL thu từ SX}}{\text{SL HT SP} + \text{SL SPDD} + \text{SL SPH}} \times \text{SL SPDD}$$

GHI CHÚ: SPH ở giai đọan cuối của quá trình chế biến

5. ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ

B. ĐG SPDD THEO CP NVL TRỰC TIẾP

$$\text{GT SPDD CK} = \frac{\text{CPSX DD Đầu Kỳ} + \text{CP NVL TT P/S trong kỳ} - \text{PL thu từ SX}}{\text{SL SP HT} + \text{SL SPDD} + \text{SL SPH}} \times \text{SL SPDD}$$

GHI CHÚ: SPH ở giai đọan cuối của quá trình chế biến

VÍ DỤ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ SPDD

- SP HOÀN THÀNH: 800
- SL SPDD: 200
- SPDD ĐÁNH GIÁ THEO CP NVL TRỰC TIẾP

KHOẢN MỤC	CPSX DD ĐẦU KỲ	CPSX PS TRONG KỲ	CPSX DD CUỐI KỲ
1. CP NVL TRỰC TIẾP	300.000	780.000	216.000
2. CP NC TRỰC TIẾP	-	80.000	-
3. CP SX CHUNG	-	40.000	-
CỘNG	300.000	900.000	216.000

5. ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ

C. PHƯƠNG PHÁP SẢN LƯỢNG ƯỚC TÍNH TƯƠNG ĐƯƠNG

B1. QUY ĐỔI SPDD RA SP HOÀN THÀNH TƯƠNG ĐƯƠNG THEO MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH:

VÍ DỤ:

200 SPDD, HOÀN THÀNH 40% 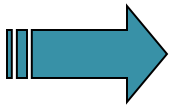 80 SP QUY ĐỔI

5. ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ

C. PHƯƠNG PHÁP SẢN LƯỢNG ƯỚC TÍNH TƯƠNG ĐƯƠNG

B2. PB TỪNG LOẠI CPSX CHO SPDD THEO NGUYÊN TẮC:

*** <u>CP đưa vào sx ngay từ ban đầu</u> --- > PB đều cho cả SP hoàn thành và SPDD không phân biệt mức độ hoàn thành.**

*** <u>Đối với CP đưa vào sx theo tiến độ</u> được PB cho cả SP hoàn thành và SPDD đã quy đổi.**

5. ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ

C. PHƯƠNG PHÁP SẢN LƯỢNG ƯỚC TÍNH TƯƠNG ĐƯƠNG

TRƯỜNG HỢP: KHÔNG CÓ SPH

$$\text{CP NVL trong SPDD CK} = \frac{\text{CP NVL TT TRONG SPDD ĐK} + \text{CPNVL TT PS TRONG KY} - \text{PL}}{\text{SL SP HT} + \text{SL SPDD (chưa quy đổi)}} \times \text{SL SPDD (chưa QĐ)} \quad (1)$$

(CP NVLTT đưa vào SX 1 lần từ ban đầu)

5. ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ

C. PHƯƠNG PHÁP SẢN LƯỢNG ƯỚC TÍNH TƯƠNG ĐƯƠNG

TRƯỜNG HỢP: KHÔNG CÓ SPH

$$\text{CP NC TT TRONG SPDD CK (CP NCTT đưa vào SX theo tiến độ)} = \frac{\text{CP NCTT TRONG SP DD ĐK}}{\text{SL SP HT}} + \frac{\text{CP NCTT P/S trong kỳ}}{\text{SL SPDD Quy đổi}} \times \text{SL SPDD Quy đổi} \quad (2)$$

5. ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ

C. PHƯƠNG PHÁP SẢN LƯỢNG ƯỚC TÍNH TƯƠNG ĐƯƠNG

TRƯỜNG HỢP: KHÔNG CÓ SPH

$$\text{CP SXC TRONG SPDD CK (CP SXC đưa vào SX theo tiến độ)} = \frac{\text{CP SXC TRONG SP DD ĐK}}{\text{SL SP HT}} + \frac{\text{CP SXC P/S trong kỳ}}{\text{SL SPDD Quy đổi}} \times \text{SL SPDD Quy đổi} \quad (3)$$

GT SPDD CK = (1) + (2) + (3)

5. ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ

C. PHƯƠNG PHÁP SẢN LƯỢNG ƯỚC TÍNH TƯƠNG ĐƯƠNG

TRƯỜNG HỢP: CÓ SPH

$$\text{CP NVL}_{\text{(CP đưa vào SX 1 lần tu ban đầu)}} = \frac{\text{CP NVL TT TRONG SPDD ĐK} + \text{CPNVL TT PS TRONG KY} - \text{PL}}{\text{SL SP HT} + \text{SL SPDD} + \text{SL SPH}} \times \text{SL SPDD} \quad (1)$$

5. ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ

B. PHƯƠNG PHÁP SẢN LƯỢNG ƯỚC TÍNH TƯƠNG ĐƯƠNG

TRƯỜNG HỢP: CÓ SPH

$$\text{CP NC TT TRONG SPDD (CP đưa vào SX theo tiến độ)} = \frac{\text{CP NCTT TRONG SP DD ĐK}}{\text{SL SP HT} + \text{SL SPDD Quy đổi}} + \frac{\text{CP NCTT P/S trong kỳ}}{\text{SL SPH}} \times \text{SL SPDD Quy đổi} \quad (2)$$

4. ĐÁNH GIÁ SPDD CUỐI KỲ

B. PHƯƠNG PHÁP SẢN LƯỢNG ƯỚC TÍNH TƯƠNG ĐƯƠNG

TRƯỜNG HỢP: CÓ SPH

$$\text{CP SXC TRONG SPDD (CP đưa vào SX theo tiến độ)} = \frac{\text{CP SXC TRONG SP DD ĐK} + \text{CP SXC P/S trong kỳ}}{\text{SL SP HT} + \text{SL SPDD Quổi} + \text{SL SPH}} \times \text{SL SPDD Quy đổi} \quad (3)$$

SPDD CK = (1) + (2) + (3)

5. VÍ DỤ

VÍ DỤ:

- **SP HOÀN THÀNH: 200**
- **SL SPDD: 40**
- **SL SPDD QUY ĐỔI: 25**

*** SPDD ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ THEO PP ƯỚC TÍNH SẢN LƯỢNG TƯƠNG ĐƯƠNG**

*** CP NVL TRỰC TIẾP ĐƯỢC ĐƯA VÀO SX TỪ BAN ĐẦU**

KHOẢN MỤC	CPSX DD ĐẦU KỲ	CPSX PS TRONG KỲ	CPSX DD CUỐI KỲ
1. CP NVL TRỰC TIẾP	139.200	660.000	133.200
2. CP NC TRỰC TIẾP	80.100	180.000	28.900
3. CP SX CHUNG	40.050	90.000	14.450
CỘNG	259.350	930.000	176.550

6. TÍNH GIÁ THÀNH SẢN XUẤT

TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM HOÀN THÀNH BAO GỒM CÁC CÔNG VIỆC CỤ THỂ SAU:

(1) TÍNH TỔNG GIÁ THÀNH SẢN PHẨM HOÀN THÀNH

(2) TÍNH GIÁ THÀNH ĐƠN VỊ SẢN PHẨM

6. TÍNH GIÁ THÀNH

* TÍNH TỔNG GIÁ THÀNH

Tổng GT SP - DV hoàn thành = **Giá trị SPDD đầu kỳ** + **CP SX phát sinh trong kỳ** - **Giá trị SPDD cuối kỳ** - **Các khoản(*) không tính vào GT SX**

(*) Bao gồm:

- **Giá trị phế liệu phục hồi trong SX.**
- **GT SPH trong SX ngoài định mức.**
- **Các khoản vật tư hao hụt trong quá trình SX**

6. TÍNH GIÁ THÀNH

** TÍNH GIÁ THÀNH ĐƠN VỊ

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SP – A
SẢN LƯỢNG: 500

KHOẢN MỤC	CPSX DD ĐẦU KỲ	CPSX PS TRONG KỲ	CPSX DD CUỐI KỲ	TỔNG GIÁ THÀNH	GIÁ THÀNH ĐƠN VỊ
1. CP NVL TRỰC TIẾP (TRỪ PL)	…….	2.630	458,7	2.293,5	4,578
2. CP NC TRỰC TIẾP		761,6		761,6	1,5232
3. CP SX CHUNG		110,2		110,2	0,2204
CỘNG	122,2	3.501,8	458,7	3.165,3	6,3216